

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đính chính lỗi kỹ thuật của Bảng số 4 và Bảng số 6 thuộc định mức Kinh tế kỹ thuật lập phương án sử dụng đối với diện tích đất thu hồi của các Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 013/2025/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 013/2025/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật lập phương án sử dụng đối với diện tích đất thu hồi của các Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Xét đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 0363/TTr-SNNMT ngày 04/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính lỗi kỹ thuật của Bảng số 4 và Bảng số 6 thuộc định mức Kinh tế kỹ thuật lập phương án sử dụng đối với diện tích đất thu hồi của các Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 013/2025/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

1. Nội dung trước khi điều chỉnh:

“2.1. Thiết bị

Bảng số 4

STT	Thiết bị	ĐVT	Công suất (Kw/h)	Số lượng	Định mức (ca)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	2,5	1	0,25	
2	Máy scan A4	Cái	0,4	1	0,25	
3	Máy in A3	Cái	0,5	2	0,24	
4	Máy in A4	Cái	0,35	2	1,77	
5	Máy in Plotter	Cái	0,4	1	10,00	
6	Máy vi tính	bộ	0,35	7	560,34	
7	Máy điều hoà nhiệt độ	bộ	2,2	2	1.162,13	
8	Máy chiếu Projector	Cái	0,5	1	9,00	
9	Máy tính xách tay	Cái	0,5	7		28,49
10	Máy phô tô	Cái	1,5	1	0,49	
11	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái		1		90,00
12	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái		1		90,00
13	Ô tô 7 chỗ ngồi	Cái		1		90,00
14	Điện năng	Kw			36.386,68	
15	Xăng	Lít				3.600,00
16	Dầu nhòn	Lít				30,00

“2.2. Dụng cụ

Bảng số 6

STT	Dụng cụ	ĐVT	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	3.922,40	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	3.922,40	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	3.922,40	
4	Ghế máy tính	Cái	96	3.922,40	
5	Chuột máy tính	Cái	60	3.922,40	
6	Bàn đập ghim loại trung bình	Cái	96	196,12	
7	Bàn đập ghim loại nhỏ	Cái	96	196,12	
8	Máy tính casio	Cái	60	196,12	
9	Giá để tài liệu	Cái	96	2.324,25	
10	Hòm đựng tài liệu	Cái	96	2.324,25	
11	Cặp đựng tài liệu	Cái	96	7.536,20	600,00
12	Ổng đựng bản đồ	Cái	96	2.324,25	150,00
13	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	18		600,00
14	Giày bảo hộ	Đôi	12		600,00
15	Tất	Đôi	6		600,00
16	Mũ cứng	Cái	12		600,00
17	Quần áo mưa	Bộ	6		600,00
18	Ba lô	Cái	36		600,00
19	Kéo	Cái	96	196,12	
20	Thuốc eke loại trung bình	Cái	96	196,12	

STT	Dụng cụ	ĐVT	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
21	Thước nhựa 40 cm	Cái	96	196,12	
22	Thước nhựa 120 cm	Cái	96	196,12	
23	Thước cuộn vải 50 m	Cái	96		30,00
24	Đồng hồ treo tường	Cái	36	2.324,25	
25	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	96	2.324,25	
26	Lưu điện cho máy tính	Cái	96	3.922,40	
27	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	2.324,25	
28	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	464,85	
29	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	2.324,25	
30	Quạt trần 0,1 KW	Cái	96	2.324,25	
31	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	24	4.648,50	
32	Điện năng	Kw		32.799,82	

2. Điều chỉnh thành:

“2.1. Thiết bị

Bảng số 4

STT	Thiết bị	ĐVT	Công suất (Kw/h)	Số lượng	Định mức ca	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	2,5	1	0,25	
2	Máy scan A4	Cái	0,4	1	0,25	
3	Máy in A3	Cái	0,5	2	0,24	
4	Máy in A4	Cái	0,35	2	1,77	
5	Máy in Plotter	Cái	0,4	1	10	
6	Máy vi tính	bộ	0,35	7	560,34	
7	Máy điều hoà nhiệt độ	bộ	2,2	2	116,21	
8	Máy chiếu Projector	Cái	0,5	1	9	
9	Máy tính xách tay	Cái	0,5	7		28,49
10	Máy phô tô	Cái	1,5	1	0,49	
11	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái		1		9
12	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái		1		9
13	Ô tô 7 chỗ ngồi	Cái		1		9
14	Điện năng	Kw			3.638,67	
15	Xăng	Lít				360,00
16	Dầu nhờn	Lít				30

“2.2. Dụng cụ

Bảng số 6

STT	Dụng cụ	ĐVT	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	392,24	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	392,24	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	392,24	
4	Ghế máy tính	Cái	96	392,24	
5	Chuột máy tính	Cái	60	392,24	
6	Bàn dập ghim loại trung bình	Cái	96	19,612	
7	Bàn dập ghim loại nhỏ	Cái	96	19,612	
8	Máy tính casio	Cái	60	19,612	
9	Giá để tài liệu	Cái	96	232,43	
10	Hòm đựng tài liệu	Cái	96	232,43	
11	Cặp đựng tài liệu	Cái	96	753,62	60
12	Ống đựng bản đồ	Cái	96	232,43	15
13	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	18		60
14	Giày bảo hộ	Đôi	12		60
15	Tất	Đôi	6		60
16	Mũ cứng	Cái	12		60
17	Quần áo mưa	Bộ	6		60
18	Ba lô	Cái	36		60
19	Kéo	Cái	96	19,612	
20	Thước eke loại trung bình	Cái	96	19,612	
21	Thước nhựa 40 cm	Cái	96	19,612	
22	Thước nhựa 120 cm	Cái	96	19,612	
23	Thước cuộn vải 50 m	Cái	96		3
24	Đồng hồ treo tường	Cái	36	232,43	
25	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	96	232,43	
26	Lưu điện cho máy tính	Cái	96	392,24	
27	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	232,43	
28	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	46,485	
29	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	232,43	
30	Quạt trần 0,1 KW	Cái	96	232,43	
31	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	24	464,85	
32	Điện năng	Kw		328,00	

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 013/2025/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND tỉnh.

Các phương án sử dụng đối với diện tích đất thu hồi theo điểm đ, khoản 1, Điều 181, Luật Đất đai của các Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã lập, phê duyệt dự toán theo Quyết định số 013/2025/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 thực hiện rà soát điều chỉnh dự toán cho phù hợp với quyết định đính chính này và thanh quyết toán theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh (*Trung tâm Công nghệ và Công thông tin điện tử tỉnh*) chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này lên Công thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn